

Số: 02/TB-HĐXTVC

An Nhơn, ngày 14 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

Danh mục tài liệu ôn tập (vòng 2) môn nghiệp vụ chuyên ngành và nộp phí dự tuyển kỳ xét tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục trung học cơ sở, tiểu học, mầm non trên địa bàn thị xã năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 11/7/2024 của UBND thị xã về Tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục trung học cơ sở, tiểu học, mầm non trên địa bàn thị xã năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của UBND thị xã An Nhơn về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục trung học cơ sở, tiểu học, mầm non trên địa bàn thị xã năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 7211/QĐ-UBND ngày 10/9/2024 của UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự xét tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục trung học cơ sở, tiểu học, mầm non trên địa bàn thị xã năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 7274/QĐ-UBND ngày 14/9/2024 của UBND thị xã về việc phê duyệt danh mục tài liệu ôn tập (vòng 2) môn nghiệp vụ chuyên ngành kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục trung học cơ sở, tiểu học, mầm non trên địa bàn thị xã năm 2024;

Hội đồng xét tuyển viên chức thị xã An Nhơn thông báo danh mục tài liệu ôn tập (vòng 2) môn nghiệp vụ chuyên ngành và nộp phí dự tuyển kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục trung học cơ sở, tiểu học, mầm non trên địa bàn thị xã năm 2024, cụ thể như sau:

1. Danh mục tài liệu ôn tập (vòng 2) môn nghiệp vụ chuyên ngành

- **Phụ lục 1:** Vị trí Giáo viên mầm non
- **Phụ lục 2:** Vị trí Giáo viên Tiểu học
- **Phụ lục 3:** Vị trí Giáo viên THCS
- **Phụ lục 4:** Vị trí Nhân viên Kế toán
- **Phụ lục 5:** Vị trí Nhân viên Văn thư
- **Phụ lục 6:** Vị trí Nhân viên Thư viện trường học
- **Phụ lục 7:** Vị trí Nhân viên Thiết bị, Thí nghiệm

(Có các Phụ lục kèm theo)

2. Nộp phí dự tuyển

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức, cụ thể như sau:

- **Mức thu:** 300.000 đồng/thí sinh

- **Hình thức nộp:** Thí sinh nộp qua Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định, địa chỉ: <https://dichvucong.binhdinhh.gov.vn> (có Hướng dẫn nộp phí điện tử kèm theo).

- **Thời gian nộp:** từ ngày có thông báo đến hết ngày 22/9/2024.

Lưu ý: Thí sinh nộp phí dự tuyển *sau ngày 22/9/2024* hoặc *không nộp* phí dự tuyển theo quy định *thì không được tham gia dự thi*.

3. Thông báo này được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của UBND thị xã An Nhơn tại địa chỉ <http://www.annhon.binhdinhh.gov.vn>; Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã tại địa chỉ <http://www.pgdamnhon.edu.vn> và được thông tin trên đài truyền thanh thị xã An Nhơn.

Hội đồng xét tuyển viên chức thị xã An Nhơn không tổ chức ôn tập trung cho các thí sinh. Đề nghị các thí sinh tự nghiên cứu và ôn tập các nội dung đề dự thi vòng 2 theo tài liệu hướng dẫn đính kèm.

Hội đồng xét tuyển viên chức thị xã An Nhơn thông báo để các cá nhân, cơ quan có liên quan và thí sinh biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các PCT. UBND thị xã;
- Văn phòng HĐND & UBND (Trang thông tin điện tử);
- Phòng Nội vụ thị xã (niêm yết);
- Phòng Giáo dục và Đào tạo (Trang thông tin điện tử);
- Trung tâm VH-TT-TT (đưa tin);
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



TRƯỞNG PHÒNG NỘI VỤ THỊ XÃ

Lê Vũ Văn Kiều

Phụ lục 1
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
Kỳ thi tuyển dụng viên chức thị xã An Nhơn năm 2024
Môn: Nghiệp vụ chuyên ngành

Vị trí tuyển dụng: Giáo viên mầm non

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG (Câu 1: 30 điểm)

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 năm ngày 15 tháng 11 năm 2010;

+ Chương I: Điều 4; Điều 5; Điều 8

+ Chương II: Mục 1; Mục 2.

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 năm 2019: Điều 2

3. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019:

- Chương I: Điều 2; Điều 3; Điều 6; Điều 7; Điều 13; Điều 20; Điều 21; Điều 22.

- Chương II: Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26

- Chương IV: Mục 1; Mục 2; Mục 3; Mục 4.

- Chương V: Mục 1

- Chương VI: Điều 89; Điều 90; Điều 91; Điều 93.

4. Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

II. PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Câu 2: 40 điểm)

1. Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

2. Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

3. Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư về Chương trình Giáo dục mầm non

4. Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình

Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.

6. Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

7. Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non.

8. Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non;

9. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo.

10. Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021 - 2025 theo Kế hoạch số 626/KH- BGDĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. PHẦN KỸ NĂNG HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP (Câu 3: 30 điểm)

1. Kiến thức, phương pháp dạy học mầm non.

2. Xử lý một số tình huống sư phạm thường gặp đối với giáo dục mầm non (thí sinh tự tìm hiểu), gồm:

- Tình huống giữa giáo viên với học sinh.
- Tình huống giáo viên với cha mẹ học sinh.
- Tình huống giữa giáo viên với đồng nghiệp; giáo viên với truyền thông.

Thí sinh phân tích tình huống và đề xuất phương án xử lý tình huống sư phạm phù hợp nhất đảm bảo nguyên tắc giáo dục và trình bày các bước giải quyết tình huống theo phương án thí sinh đã lựa chọn.

3. Thiết kế bài giảng: theo chương trình giáo dục mầm non, lứa tuổi mẫu giáo nhỡ 4-5 tuổi.

3.1. Các tài liệu sử dụng để thiết kế bài giảng

+ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non;

+ Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, mẫu giáo nhỡ 4-5 tuổi theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non (TS Lê Thu Hương, TS Trần Thị Ngọc Trâm, PGS.TS Lê Thị Ánh Tuyết, đồng chủ biên; Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam).

+ Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề dành cho 4 - 5 tuổi (Chủ biên: TS Lê Thu Hương, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam).

3.2. Gợi ý thiết kế bài dạy

Tên đề tài:

Sự kiện/chủ đề (nếu có):.....

Đối tượng dạy:.....

Thời gian dạy (Theo lứa tuổi):.....

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kiến thức
2. Kỹ năng
3. Thái độ

II. CHUẨN BỊ

1. Địa điểm tổ chức, đội hình dạy trẻ
2. Đồ dùng, phương tiện của giáo viên và dùng của trẻ

III. CÁCH TIẾN HÀNH

Thời gian	Nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức	
	Hoạt động của giáo viên	Dự kiến hoạt động của trẻ
Thời gian thực hiện cho từng hoạt động	- Nêu rõ tên hoạt động, các bước tiến hành. - Các hoạt động, hướng dẫn của giáo viên.	- Các hoạt động tương ứng của trẻ.

Lưu ý: thiết kế bài dạy trình bày khoa học, đủ, rõ, ngắn gọn, cụ thể:

- Mục đích, yêu cầu: Xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ rõ về mức độ yêu cầu phù hợp với độ tuổi, khả năng của trẻ, phù hợp với đề tài, chủ đề/sự kiện (nếu có).

- Chuẩn bị: Đủ đồ dùng, phương tiện, học liệu phục vụ hoạt động học của giáo viên và trẻ.

- Nội dung: Lựa chọn nội dung dạy phù hợp với đề tài, chủ đề/sự kiện (nếu có) và mục đích yêu cầu. Nội dung kiến thức truyền đạt chính xác, khoa học, tích hợp phù hợp.

- Phương pháp: Sử dụng đúng phương pháp đặc trưng của hoạt động, linh hoạt, sáng tạo trong kết hợp các phương pháp giáo dục, khuyến khích áp dụng phương pháp giáo dục tiên tiến. Sử dụng hiệu quả phương tiện, đồ dùng, học liệu phục vụ hoạt động học của giáo viên và trẻ.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Tổ chức hoạt động linh hoạt, sáng tạo học thông qua trải nghiệm lấy trẻ làm trung tâm, giáo viên tạo cơ hội hướng dẫn gợi mở giúp trẻ hứng thú, tích cực hoạt động.

- Thời gian: Phân bổ thời gian hợp lý giữa các phần và hoạt động.

-----HẾT-----

Phụ lục 2
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
Kỳ thi tuyển dụng viên chức thị xã An Nhơn năm 2024
Môn: Nghiệp vụ chuyên ngành

Vị trí tuyển dụng: Giáo viên tiểu học

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG (Câu 1: 30 điểm)

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 năm ngày 15 tháng 11 năm 2010;

+ Chương I: điều 4; điều 5; điều 8

+ Chương II: Mục 1; Mục 2.

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 năm 2019: Điều 2

3. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019:

- Chương I: Điều 2; Điều 3; Điều 6; Điều 7; Điều 13; Điều 20; Điều 21; Điều 22.

- Chương II: Điều 29; Điều 30

- Chương IV: Mục 1; Mục 2; Mục 3; Mục 4.

- Chương V: Mục 1

- Chương VI: Điều 89; Điều 90; Điều 91; Điều 93.

4. Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

5. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo;

6. Quyết định 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ;

II. PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Câu 2: 40 điểm)

1. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông; Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

sửa đổi, bổ sung điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.1. Phần 1. Chương trình tổng thể.

- Mục II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG;
- Mục III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC;
- Mục V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC:

Thí sinh dự tuyển vào vị trí ở cấp học nào/môn nào thì nghiên cứu định hướng về nội dung giáo dục ở môn đó/cấp đó.

- MỤC VI. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

- MỤC IX. GIẢI THÍCH CHƯƠNG TRÌNH:

+ Tiểu mục 2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của học sinh: Phần nội dung của cấp tiểu học

+ Tiểu mục 3. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung của học sinh: Phần nội dung của cấp tiểu học

1.2. Phần 2. Các chương trình môn học và hoạt động giáo dục của cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông:

1.2.1. Đối với giáo viên tiểu học dạy các môn chung:

1.2.1.1. Môn Ngữ Văn (Ở cấp Tiểu học, môn học có tên là Tiếng Việt)

- Mục tiêu chung của môn Ngữ văn;
- Mục tiêu môn Ngữ văn ở cấp Tiểu học;
- Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của môn Ngữ văn;
- Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Ngữ văn ở cấp tiểu học;
- Nội dung cụ thể (tiểu mục 2; mục V: Nội dung giáo dục của môn Ngữ Văn): Các yêu cầu cần đạt và nội dung của môn Ngữ văn ở Lớp 1; Lớp 2; Lớp 3; Lớp 4; Lớp 5.

- Phương pháp giáo dục môn Ngữ Văn: Mục VI;

- Đánh giá kết quả giáo dục môn Ngữ Văn: Mục VII;

1.2.1.2. Môn Toán:

- Mục tiêu chung của môn Toán;

- Mục tiêu môn Toán ở cấp Tiểu học;
- Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của môn Toán;
- Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Toán ở cấp tiểu học;
- Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt của môn Toán ở Lớp 1; Lớp 2; Lớp 3; Lớp 4; Lớp 5;

- Phương pháp giáo dục môn Toán: Mục VI
- Đánh giá kết quả giáo dục môn Toán: Mục VII.

1.2.1.3. Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (cấp tiểu học)

- Yêu cầu cần đạt về năng lực của Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp tiểu học
 - + Năng lực thích ứng với cuộc sống;
 - + Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động;
 - + Năng lực định hướng nghề nghiệp;
- Phương thức tổ chức và loại hình hoạt động của Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1.2.2. Đối với giáo viên tiểu học dạy môn Tin học

- Mục tiêu chung và Mục tiêu môn Tin học ở cấp tiểu học (mục III);
- Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của môn Tin học và Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Tin học ở cấp tiểu học (Mục IV);
- Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt của môn Tin học ở Lớp 3; Lớp 4; Lớp 5;
- Phương pháp giáo dục môn Tin học (Mục VI);
- Đánh giá kết quả giáo dục môn Tin học (Mục VII).

1.2.3. Đối với Giáo viên tiểu học dạy môn Tiếng Anh (chương trình từ lớp 3 đến lớp 12)

- Đặc điểm môn học môn Tiếng Anh: Mục I;
- Mục tiêu chung và Mục tiêu môn Tiếng Anh ở cấp tiểu học (mục III);
- Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của môn Tiếng Anh và Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Tiếng Anh ở cấp tiểu học (Mục IV);
 - Mục V: Nội dung giáo dục:
 - + Hệ thống chủ đề ở cấp tiểu học;
 - + Năng lực giao tiếp ở cấp tiểu học;
 - + Kiến thức ngôn ngữ ở cấp tiểu học;

+ Các chủ điểm, chủ đề và kỹ năng ngôn ngữ cần đạt của môn Tiếng Anh ở Lớp 3; Lớp 4; Lớp 5.

- Mục VI: Phương pháp giáo dục

- Mục VII: Đánh giá kết quả giáo dục.

1.2.4. Đối với giáo viên tiểu học dạy môn Giáo dục thể chất (Thể dục)

- Mục III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

+ Mục tiêu chung

+ Mục tiêu môn GDTC ở cấp tiểu học

- Mục IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

+ Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

+ Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn GDTC ở cấp tiểu học

- Mục V. NỘI DUNG GIÁO DỤC: Yêu cầu cần đạt và nội dung ở các lớp 1, 2, 3, 4, 5;

- Mục VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

+ Định hướng chung

+ Định hướng phương pháp hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

+ Định hướng phương pháp hình thành, phát triển năng lực thể chất

- Mục VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

2. Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học; Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 về việc đính chính phụ lục 1 và phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

3. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

5. Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học.

III. PHẦN KỸ NĂNG HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP (Câu 3: 30 điểm)

1. Kiến thức, phương pháp dạy học tiểu học.

2. Tình huống và xử lý tình huống trong giáo dục tiểu học (thí sinh tự tìm hiểu, nghiên cứu).

- Tình huống giữa giáo viên với học sinh.

- Tình huống giáo viên với cha mẹ học sinh.

- Tình huống giữa giáo viên với đồng nghiệp; giáo viên với truyền thông.

Thí sinh phân tích tình huống và đề xuất phương án xử lý tình huống phù hợp nhất đảm bảo nguyên tắc giáo dục và trình bày các bước giải quyết tình huống theo phương án thí sinh đã lựa chọn.

3. Thiết kế bài dạy (theo từng vị trí tuyển dụng):

Thí sinh được cung cấp 01 nội dung của môn học đúng vị trí dự tuyển trong sách giáo khoa (do NXB Giáo dục xuất bản) để thiết kế bài dạy.

GỢI Ý THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học/hoạt động giáo dục.....;

Lớp.....

Tên bài học:

Số tiết:.....

Thời gian thực hiện: ngày... tháng...năm...(hoặc từ đến)

1. Yêu cầu cần đạt

Nêu cụ thể học sinh thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2. Đồ dùng dạy học

Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3. Các hoạt động dạy học chủ yếu

- Hoạt động Mở đầu: khởi động, kết nối.

- Hoạt động Hình thành kiến thức mới: trải nghiệm, khám phá, phân tích, hình thành kiến thức mới (đối với bài hình thành kiến thức mới).

- Hoạt động Luyện tập, thực hành.

- Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (nếu có).

4. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có).

Lưu ý: Kế hoạch bài dạy do giáo viên thiết kế bao gồm các hoạt động của học sinh và giáo viên trong quá trình dạy học một tiết học/bài học/chủ đề (sau đây gọi chung là bài học) nhằm giúp học sinh đạt được yêu cầu cần đạt. Kế hoạch bài dạy được giáo viên thực hiện chủ động, linh hoạt phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện tổ chức dạy học, bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất, được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên cho phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện tổ chức dạy học.

-----HẾT-----

Phụ lục 3
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
Kỳ thi tuyển dụng viên chức thị xã An Nhơn năm 2024
Môn: Nghiệp vụ chuyên ngành

Vị trí tuyển dụng: Giáo viên THCS

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG (Câu 1: 30 điểm)

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 năm ngày 15 tháng 11 năm 2010;

+ Chương I: điều 4; điều 5; điều 8

+ Chương II: Mục 1; Mục 2.

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 năm 2019: Điều 2

3. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019:

- Chương I: Điều 2; Điều 3; Điều 6; Điều 7; Điều 13; Điều 20; Điều 21; Điều 22.

- Chương II: Điều 29; Điều 30

- Chương IV: Mục 1; Mục 2; Mục 3; Mục 4.

- Chương V: Mục 1

- Chương VI: Điều 89; Điều 90; Điều 91; Điều 93.

4. Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

5. Quyết định 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ;

6. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo;

II. PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Câu 2: 40 điểm)

1. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông; Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ

trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.1. Phần 1. Chương trình tổng thể.

- MỤC II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG;
- MỤC III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC;
- MỤC V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC:

Thí sinh dự tuyển vào vị trí ở cấp học nào/môn nào thì nghiên cứu định hướng về nội dung giáo dục ở môn đó/cấp đó.

- MỤC VI. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

- MỤC IX. GIẢI THÍCH CHƯƠNG TRÌNH:

+ Tiểu mục 2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của học sinh: Phần nội dung của cấp THCS;

+ Tiểu mục 3. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung của học sinh: Phần nội dung của cấp THCS

1.2. Phần 2. Các chương trình môn học và hoạt động giáo dục của cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông:

1.2.1. Đối với giáo viên Công nghệ (THCS)

1.2.1.1. Phần chung

- MỤC I: ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC CÔNG NGHỆ;

- MỤC III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH:

+ Mục tiêu chung;

+ Mục tiêu môn công nghệ ở cấp trung học cơ sở;

- MỤC IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

+ Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của môn Công nghệ;

+ Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Công nghệ ở cấp THCS;

- MỤC V. NỘI DUNG GIÁO DỤC:

Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ ở các lớp ở cấp THCS;

- MỤC VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC:

+ Định hướng chung;

+ Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của môn Công nghệ;

+ Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực công nghệ.

- MỤC VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.

1.2.1.2. Phần riêng đối với phân môn công nghệ nông nghiệp

- Nội dung và yêu cầu cần đạt của phần “Công nghệ trong gia đình” ở chương trình lớp 6;

- Nội dung và yêu cầu cần đạt của phần “Nông-lâm nghiệp và Thủy sản” ở chương trình lớp 7;

- Nội dung và yêu cầu cần đạt của phần “Công nghiệp và hướng nghiệp” ở chương trình lớp 9;

- Nội dung và yêu cầu cần đạt của hoạt động Trải nghiệm nghề nghiệp của các mô đun nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở chương trình lớp 9.

1.2.7.3. Phần riêng đối với phân môn công nghệ công nghiệp

- Nội dung và yêu cầu cần đạt của phần “Công nghệ trong gia đình” ở chương trình lớp 6;

- Nội dung và yêu cầu cần đạt của phần “Công nghiệp và Thiết kế kỹ thuật” ở chương trình lớp 8;

- Nội dung và yêu cầu cần đạt của phần “Công nghiệp và hướng nghiệp” ở chương trình lớp 9;

- Nội dung và yêu cầu cần đạt của hoạt động Trải nghiệm nghề nghiệp của các mô đun công nghiệp ở chương trình lớp 9.

1.2.2. Đối với giáo viên Lịch sử (THCS)

- MỤC IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù (Năng lực lịch sử)

- MỤC V. NỘI DUNG GIÁO DỤC: Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt của phân môn Lịch sử ở các lớp 6, 7, 8, 9;

- MỤC VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC:

+ Định hướng chung

+ Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh

+ Phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử

- MỤC VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

+ Tiểu mục 5. Tích hợp trong dạy học.

+ Tiểu mục 6: Dạy học các chủ đề tích hợp lịch sử - địa lí.

1.2.3. Đối với giáo viên Địa lý (THCS)

- MỤC IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù (Năng lực địa lí)

- MỤC V. NỘI DUNG GIÁO DỤC: Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt của phân môn Địa lí ở các lớp 6, 7, 8, 9;

- MỤC VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC:

+ Định hướng chung

+ Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh

+ Phương pháp hình thành, phát triển năng lực địa lí

- MỤC VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

+ Tiểu mục 5. Tích hợp trong dạy học.

+ Tiểu mục 6: Dạy học các chủ đề tích hợp lịch sử - địa lí.

1.2.4. Đối với giáo viên Ngữ Văn (THCS)

- Mục III: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

+ Mục tiêu chung của môn Ngữ văn;

+ Mục tiêu môn Ngữ văn ở cấp THCS;

- Mục IV: YÊU CẦU CẦN ĐẠT

+ Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của môn Ngữ văn;

+ Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Ngữ văn ở cấp THCS;

- Mục V: NỘI DUNG GIÁO DỤC:

+ Tiểu mục 2: Nội dung cụ thể: Các yêu cầu cần đạt và nội dung của môn Ngữ văn ở Lớp 6; Lớp 7; Lớp 8; Lớp 9.

- Mục VI: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

+ Định hướng chung;

+ Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung;

+ Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù;

- MỤC VII: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1.2.5. Đối với giáo viên GDCCD (THCS)

- Mục I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

- Mục III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH
- + Mục tiêu chung
- + Mục tiêu môn GD CD ở cấp trung học cơ sở
- Mục IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT
- + Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung
- + Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn GD CD ở cấp THCS
- Mục V. NỘI DUNG GIÁO DỤC: Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp 6, 7, 8, 9;

- Mục VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC
- VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1.2.6. Đối với giáo viên Tiếng Anh (THCS)

- Mục I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC
- Mục III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH
- + Mục tiêu chung
- + Mục tiêu môn Âm nhạc ở cấp trung học cơ sở
- Mục IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT
- + Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung
- + Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Âm nhạc ở cấp THCS;
- Mục V. NỘI DUNG GIÁO DỤC
- Tiểu mục 2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp: 6, 7, 8, 9;
- Mục VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC
- + Định hướng chung
- + Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung
- + Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực đặc thù (ở cấp THCS)

- Mục VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1.2.7. Đối với giáo viên Giáo dục thể chất (THCS)

- Mục I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC
- Mục III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH
- + Mục tiêu chung
- + Mục tiêu môn GD TC ở cấp trung học cơ sở

- Mục IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- + Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung
- + Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn GDTC ở cấp THCS

- Mục V. NỘI DUNG GIÁO DỤC: Yêu cầu cần đạt và nội dung của môn GDTC ở các lớp 6, 7, 8, 9;

- Mục VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

- + Định hướng chung
- + Định hướng phương pháp hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung
- + Định hướng phương pháp hình thành, phát triển năng lực thể chất

- Mục VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1.2.8. Giáo viên Toán (THCS)

- Mục III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

- + Mục tiêu chung
- + Mục tiêu của môn Toán ở cấp trung học cơ sở

- Mục IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- + Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung
- + Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù ở cấp THCS

- Mục V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

- + Nội dung khái quát
- + Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp 6, 7, 8, 9

- Mục VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Tiểu mục 2. Định hướng phương pháp hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

- Mục VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1.2.9. Đối với giáo viên phân môn Vật lý (Môn KHTN)

- Mục I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC (Môn KHTN)

- Mục IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT (Môn KHTN)

- + Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung
- + Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

- Mục VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC (Môn KHTN)

- Mục V. NỘI DUNG GIÁO DỤC (Môn KHTN)

- Tiểu mục 2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp 6, 7, 8, 9 của Phân môn Vật lý, gồm có:

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Các phép đo; Lực; Năng lượng; Trái đất và bầu trời (Lớp 6)

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Tốc độ; Âm thanh; Ánh sáng; Từ (lớp 7);

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Khối lượng riêng và áp suất; Tác dụng làm quay của lực; Điện; Nhiệt (lớp 8);

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Năng lượng cơ học; Ánh sáng; Điện; Điện từ (Lớp 9).

1.2.10. Giáo viên phân môn Hóa học (THCS) (Môn KHTN)

- Mục I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

- Mục IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

+ Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

+ Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

- Mục VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

- Mục V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

- Tiểu mục 2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp 6, 7, 8, 9 của Phân môn Hóa học, gồm:

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Các thể trạng của chất; Oxygen (oxi) và không khí; Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng; Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch; Tách chất ra khỏi hỗn hợp (Lớp 6)

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Nguyên tử. Nguyên tố hoá học; Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học; Phân tử (Lớp 7)

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Phản ứng hoá học; Tốc độ phản ứng và chất xúc tác; Acid - Base - pH - Oxide - Muối; Phân bón hoá học (Lớp 8)

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Kim loại; Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại; Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái đất; Giới thiệu về chất hữu cơ (Lớp 9)

1.2.11. Đối với giáo viên Phân môn Sinh học (Môn KHTN)

- Mục I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC (KHTN)

- Mục IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT (Môn KHTN)

+ Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

+ Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

- Mục VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC (Môn KHTN)

- Mục V. NỘI DUNG GIÁO DỤC (Môn KHTN)

- Tiểu mục 2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp 6, 7, 8, 9: Phân môn Sinh học, gồm:

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Tế bào - đơn vị cơ sở của sự sống; Từ tế bào đến cơ thể; Đa dạng thế giới sống (Lớp 6)

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật; Cảm ứng ở sinh vật; Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật; Sinh sản ở sinh vật (Lớp 7)

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Khái quát về cơ thể người; Hệ vận động ở người; Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người; Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người; Hệ hô hấp ở người; Hệ bài tiết ở người; Điều hoà môi trường trong của cơ thể; Hệ thần kinh và các giác quan ở người; Hệ nội tiết ở người; Da và điều hoà thân nhiệt ở người; Sinh sản (Lớp 8)

+ Yêu cầu cần đạt của nội dung: Hiện tượng di truyền; Nhiễm sắc thể; Di truyền nhiễm sắc thể; Di truyền học với con người; Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống; Tiến hoá (Lớp 9).

2. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

3. Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

4. Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

5. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo.

III. PHẦN KỸ NĂNG HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP (Câu 3: 30 điểm)

1. Kiến thức, phương pháp dạy học THCS (đối với từng môn học)

2. Tình huống và xử lý tình huống trong giáo dục ở cấp THCS (thí sinh tự tìm hiểu, nghiên cứu).

- Tình huống giữa giáo viên với học sinh.

- Tình huống giáo viên với cha mẹ học sinh.
- Tình huống giữa giáo viên với đồng nghiệp; giáo viên với truyền thông.

Thí sinh phân tích tình huống và đề xuất phương án xử lý tình huống sư phạm phù hợp nhất đảm bảo nguyên tắc giáo dục và trình bày các bước giải quyết tình huống theo phương án thí sinh đã lựa chọn.

3. Thiết kế bài dạy (theo từng vị trí tuyển dụng):

Thí sinh được cung cấp 01 nội dung của môn học đúng vị trí dự tuyển trong sách giáo khoa (do NXB Giáo dục xuất bản) để thiết kế bài dạy.

GỢI Ý THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY *[Thực hiện theo quy định tại phụ lục 4 của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT]*

Môn học/Hoạt động giáo dục:; lớp:.....

Thời gian thực hiện:(số tiết)

Tiết dạy số:.....

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Nêu cụ thể nội dung kiến thức học sinh cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

2. Về năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu học sinh **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

3. Về phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*)

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.*

c) Sản phẩm: *Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.*

d) Tổ chức thực hiện: *Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.*

c) Sản phẩm: *Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.*

d) Tổ chức thực hiện: *Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.*

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.*

c) Sản phẩm: *Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.*

d) Tổ chức thực hiện: *Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.*

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).*

b) Nội dung: *Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.*

c) Sản phẩm: *Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.*

d) Tổ chức thực hiện: *Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.*

Ghi chú:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh thực hiện/đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/.

3. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học và được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho học sinh tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.

4. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Giao nhiệm vụ học tập: Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện; giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ học sinh phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức tổ chức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của giáo viên).

- Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kĩ năng để học sinh ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà học sinh phải thực hiện tiếp theo./.

-----HẾT-----

Phụ lục 4
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
Kỳ thi tuyển dụng viên chức thị xã An Nhơn, năm 2024
Môn: Nghiệp vụ chuyên ngành

Vị trí tuyển dụng: Nhân viên kế toán

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG (Câu 1: 30 điểm)

1. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019:

22. - Chương I: Điều 2; Điều 3; Điều 6; Điều 7; Điều 13; Điều 20; Điều 21; Điều 22.
- Chương II: Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26
- Chương IV: Mục 1; Mục 2; Mục 3; Mục 4.
- Chương V: Mục 1
- Chương VI: Điều 89; Điều 90; Điều 91; Điều 93.

2. Thông tư 06/2019/TT-BGDDT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

3. Quyết định 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ;

4. Thông tư số 29/2022/TT-BTC, ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ (Chương 1: Những quy định chung; Điều 8: Chương 2).

II. PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Câu 2: 40 điểm và câu 3: 30 điểm)

1. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015

2. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước:

3. Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (Những quy định chung (Chương I) và quy định tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số ; giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp (Chương III))

5. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015

6. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

7. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội về việc Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Nghị quyết số 86/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân nhân dân tỉnh Bình Định Quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định.

9. Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định.

10. Phân tích, xử lý một số tình huống trong thực thi nhiệm vụ của nhân viên kế toán trường học (thí sinh tự tìm hiểu).

-----HẾT-----

Phụ lục 5
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
Kỳ thi tuyển dụng viên chức thị xã An Nhơn, năm 2024
Môn: Nghiệp vụ chuyên ngành

Vị trí tuyển dụng: Nhân viên văn thư

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG (Câu 1: 30 điểm)

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 năm ngày 15 tháng 11 năm 2010;

+ Chương I: điều 4; điều 5; điều 8

+ Chương II: Mục 1; Mục 2.

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 năm 2019: Điều 2

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019:

- Chương I: Điều 2; Điều 3; Điều 6; Điều 7; Điều 13; Điều 20; Điều 21; Điều 22.

- Chương II: Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26

- Chương IV: Mục 1; Mục 2; Mục 3; Mục 4.

- Chương V: Mục 1

- Chương VI: Điều 89; Điều 90; Điều 91; Điều 93.

3. Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

4. Quyết định 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ;

II. PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Câu 2: 40 điểm và câu 3: 30 điểm)

1. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15/11/2018;

2. Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

3. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương

đối với các ngành công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

4. Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

5. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu;

6. Phân tích, xử lý một số tình huống trong thực thi nhiệm vụ của nhân viên văn thư ở trường học (thí sinh tự tìm hiểu).

-----HẾT-----

Phụ lục 6
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
Kỳ thi tuyển dụng viên chức thị xã An Nhơn, năm 2024
Môn: Nghiệp vụ chuyên ngành

Vị trí tuyển dụng: Nhân viên thư viện

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG (Câu 1: 30 điểm)

- 1. Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019;**
- 2. Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020** của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện;
- 3. Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019** của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.
- 4. Quyết định 1847/QĐ-TTg** của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ;
- 5. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019:**
 - Chương I: Điều 2; Điều 3; Điều 6; Điều 7; Điều 13; Điều 20; Điều 21; Điều 22.
 - Chương II: Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26
 - Chương IV: Mục 1; Mục 2; Mục 3; Mục 4.
 - Chương V: Mục 1
 - Chương VI: Điều 89; Điều 90; Điều 91; Điều 93.
- 6. Quyết định 1847/QĐ-TTg** của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ;

II. PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Câu 2: 40 điểm và câu 3: 30 điểm)

- 1. Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/03/2017** của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- 2. Thông tư số 18/2014/TT-BVHTTDL** ngày 08/12/2014 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch Quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ Thư viện.
- 3. Thông tư số 05/2022/TT-BVHTTDL** ngày 04 tháng 08 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Hướng dẫn hoạt động thư viện lưu động và luân chuyển tài nguyên thông tin;

4. Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL, ngày 01 tháng 07 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

5. Thông tư số 02/2020/TT-BVHTTDL ngày 25/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc bảo quản, thanh lọc tài nguyên thông tin và tiêu chí, nguyên tắc sử dụng tài nguyên thông tin hạn chế trong thư viện;

6. Quyết định số 4831/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động xử lý kỹ thuật, xây dựng cơ sở dữ liệu, bộ máy tra cứu các loại tài liệu;

7. Quyết định 4763/QĐ-BVHTTDL ngày 26/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ lưu động ngoài thư viện, phục vụ người khuyết tật.

8. Thí sinh tìm hiểu một số nội dung về nghiệp vụ thư viện:

- Nội dung về xây dựng và phát triển vốn tài liệu (tài nguyên thông tin); Nội dung về xử lý nghiệp vụ thư viện (xử lý hình thức/nội dung tài liệu); Nội dung về tổ chức bộ máy (công cụ) tra cứu/tìm tin;

- Nội dung về tổ chức kho tài liệu và bảo quản tài liệu; Nội dung về sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện; Nội dung về phục vụ bạn đọc/người dùng tin; Nội dung về quản lý thư viện; Nội dung về ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện.

9. Kế hoạch số 82/KH-UBND, ngày 16 tháng 08 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định về Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

10. Phân tích, xử lý một số tình huống trong thực thi nhiệm vụ của nhân viên thư viện trường học (thí sinh tự tìm hiểu).

-----HẾT-----

Phụ lục 7
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
Kỳ thi tuyển dụng viên chức thị xã An Nhơn, năm 2024
Môn: Nghiệp vụ chuyên ngành

Vị trí tuyển dụng: Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG (Câu 1: 30 điểm)

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 năm ngày 15 tháng 11 năm 2010;

+ Chương I: điều 4; điều 5; điều 8

+ Chương II: Mục 1; Mục 2.

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 năm 2019: Điều 2

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019:

- Chương I: Điều 2; Điều 3; Điều 6; Điều 7; Điều 13; Điều 20; Điều 21; Điều 22.

- Chương II: Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26

- Chương IV: Mục 1; Mục 2; Mục 3; Mục 4.

- Chương V: Mục 1

- Chương VI: Điều 89; Điều 90; Điều 91; Điều 93.

3. Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

4. Quyết định 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ;

II. PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Câu 2: 40 điểm và câu 3: 30 điểm)

1. Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở.

2. Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

3. Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

5. Phân tích, xử lý một số tình huống trong thực thi nhiệm vụ của nhân viên Thiết bị, thí nghiệm ở trường THCS (thí sinh tự tìm hiểu).

-----HẾT-----

Hướng dẫn thanh toán trực tuyến Phí xét tuyển viên chức thị xã An Nhơn năm 2024

Bước 1: Truy cập công dịch vụ công : <https://dichvucong.binhdinhh.gov.vn>



Chọn [Thanh toán] [Thanh toán phí, lệ phí thủ tục hành chính]

Bước 2: Nhập mã hồ sơ cần thanh toán vào ô “Mã hồ sơ” + [Tra cứu]

ình Định Thanh toán trực tuyến Thanh toán phí, lệ phí hồ sơ

Thanh toán phí, lệ phí hồ sơ

Mã số hồ sơ:

Bước 3: Chọn thanh toán “Thanh toán trực tuyến qua cổng DVCQG”

SỐ hồ sơ: H08.17-240619-0002

.012300.H08 - Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP) I



Lệ phí thanh toán cho cơ quan giải quyết Đơn vị tính VNĐ

Loại lệ phí	SỐ lượng	Mức lệ phí	VAT	
Phí dự xét tuyển	1	300000		VNĐ
Tổng cộng			300 000	VNĐ
				Tổng lệ phí phải thanh toán cho cơ quan giải quyết
<u>So tiền đã thanh toán</u>			0	VNĐ
So tiền còn lại			300 000	VNĐ Lệ phí còn lại
So tiền bắt buộc thanh toán			300 000	VNĐ Lệ phí bắt buộc thanh toán ngay

B Thanh toán lệ phí cho cơ quan giải quyết

Các khoản lệ phí thanh toán phải có giá trị và không bao gồm các khoản lệ phí bưu điện.

Lưu ý: Hiện nay Công thanh toán Napas đang hỗ trợ quét mã QR trực tiếp trên ứng dụng ngân hàng (*Danh sách các ngân hàng hỗ trợ ở Phụ lục cuối trang*).

4.1 Thực hiện các bước thanh toán theo hướng dẫn của hệ thống



The VIETQR logo, featuring a red heart shape and the text "VIETQR" in blue, is positioned above a large QR code. The QR code is black and white, with a red heart shape in the center.

napas24

4.2 Giao dịch thanh toán phí sau khi thành công hiển thị trạng thái “**Đã thanh toán**” ở cuối trang

Lệ phí thanh toán cho cơ quan giải quyết Đơn vị tính: VNĐ

Loại lệ phí	Số lượng	Mức lệ phí	
Phí dự xét tuyển	4	300,000 VNĐ	✓ Đã thanh toán
Tổng cộng		300,000 VNĐ	✓ Đã thanh toán

Biên lai thanh toán payment platform



**Phụ lục: DANH SÁCH NGÂN HÀNG/ CÔNG TY TÀI CHÍNH THANH TOÁN QUA
CỔNG NAPAS**

STT	Ngân hàng	Bank ID/Bank Brad	
			QR
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	x
2	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	x
3	Ngân hàng TMCP Quân đội	MB	x
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG	x
5	Ngân hàng TMCP phát triển TP HCM	HDB	
6	Ngân hàng TMCP Quốc dân	NVB	x
7	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	MSB	x
8	Ngân hàng TMCP Việt Á	VAB	x
9	Ngân hàng TNHH MTV Dầu khí toàn cầu	GPB	
10	Ngân hàng TMCP Đại Dương	OJB	x
11	Ngân hàng TMCP Bắc Á	NASB	x
12	Ngân hàng TMCP An Bình	ABB	x
13	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	BIDV	x
14	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	SHB	x
15	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	BVB	x
16	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	LPB	
17	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	x
18	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Việt Nam	VARB	x
19	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	SCB	
20	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KLB	x
21	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Seab	x
22	Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	VRB	x
23	Ngân hàng TNHH MTV PUBLIC Việt Nam	PBVN	
24	Ngân hàng TMCP NAM Á	NAB	
25	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	PVCB	x
26	Ngân hàng Sài Gòn Công Thương	SGB	x
27	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	x

28	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	EIB	x
29	Ngân hàng TMCP Á châu	ACB	x
30	Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương tín	STB	x
31	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	VPB	x
32	Ngân hàng TMCP Phương Đông	OCB	
33	Ngân hàng TNHH MTV Xăng dầu Petrolimex	PGB	x
34	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	UOB	
35	Ngân hàng TNHH Indovina	IVB	
36	Ngân hàng TNHH Woori bank	WOO	x
37	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam)	SVB	x
38	Ngân hàng TMCP Bản Việt	VCCB	x
39	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	VB	x
40	Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt	CFC	
41	Ngân hàng Keb Hana- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	KEBHANAHCM	x
42	Ngân hàng Keb Hana- Chi nhánh Hà Nội	KEBHANAHN	x
43	Ngân hàng TNHH Một thành viên CIMB Việt Nam	CIMB	x
44	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	COB	x
45	Ngân hàng số CAKE by VPBank	CAKE	x
46	Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	MAFC	